

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI AN THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI AN THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN THỊNH TRADING DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0106191756

3. Ngày đăng ký thành lập: 29/05/2013

4. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 4 và 5, ngõ 242, đường Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0438276830

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh ((Không bao gồm kinh doanh quán bar))	4723
3.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
4.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
5.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
7.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: - Đại lý)	4610
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế)	7920
12.	Sản xuất sợi	1311
13.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
14.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
15.	Thu gom rác thải độc hại	3812
16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Bán buôn đồ uống	4633

19.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641(Chính)
20.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;)	3320
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
22.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
23.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khoẻ con người))	4772
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường))	5510
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng)	7730
26.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô)	4932
27.	Khai thác thủy sản biển	0311
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
29.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
30.	Tái chế phế liệu ((Không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường))	3830
31.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống ((Trừ loại Nhà nước cấm))	4620

32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện ; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;)	4649
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô)	4933
37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);)	6619
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh)	8299
39.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
40.	Sản xuất giống thủy sản	0323
41.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, công trình cửa, đường hầm)	4290
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
48.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
49.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
50.	Xây dựng công trình công ích	4220
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
53.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ((Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường))	5610
56.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: - Bán buôn tơ sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường))	4669
57.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
58.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
59.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
60.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Vốn pháp định: 0 VNĐ

8. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ(%)	Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức
1	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Số 4,5 ngõ 242 đường Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.520.000.000	80,00	011619183
2	NGUYỄN THANH SƠN	Tổ dân phố Voi Phục, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	380.000.000	20,00	011594389

9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: NGUYỄN THANH SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: *01/10/1956*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011594389*

Ngày cấp: *24/04/2000*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Voi Phục, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Voi Phục, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam*

10. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội